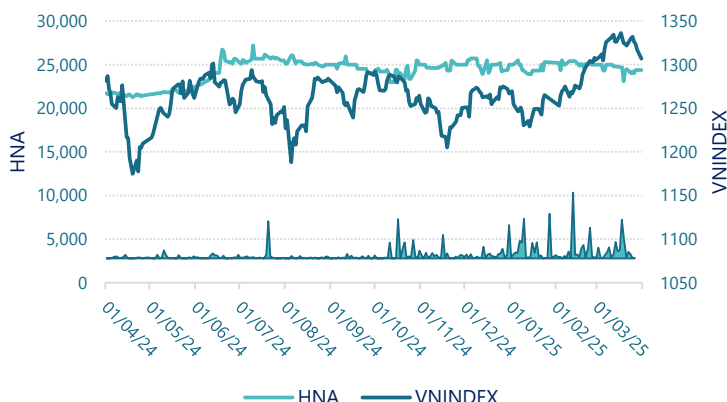


CTCP Thủy điện Hòa Na (HSX: HNA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	24,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,212
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,250
SL cổ phiếu LH	235,232,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,215
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,740
P/E	18.7
EPS	1,307

DT thuần

Q1/25

176

tỷ VNĐ

QoQ: ▼82.0 | -31.9%

YoY: ▲74.0 | 72.1%

LN sau thuế

Q1/25

40.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼51.6 | -56.0%

YoY: ▲44.3 | 1170%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

37.3%

+/- YoY: ▼0.4%

DT thuần

2024

789

tỷ VNĐ

YoY: ▲40.0 | 5.4%

LN sau thuế

2024

270

tỷ VNĐ

YoY: ▲33.0 | 14.0%

ROE

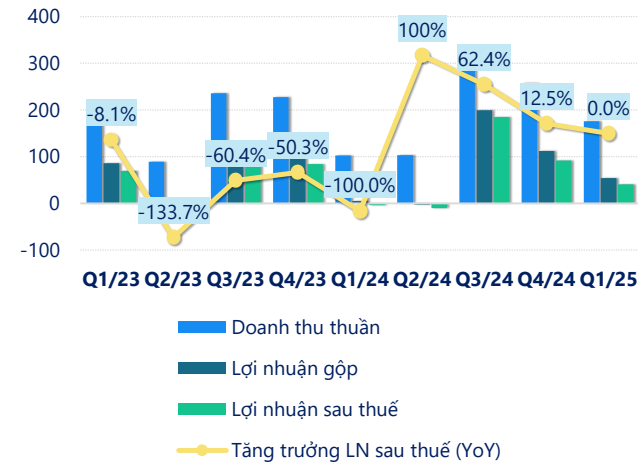
2024

8.3%

+/- YoY: ▲1.2%

tỷ VNĐ

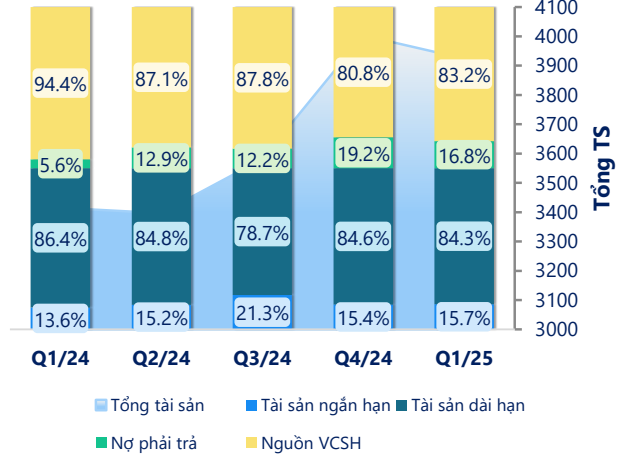
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

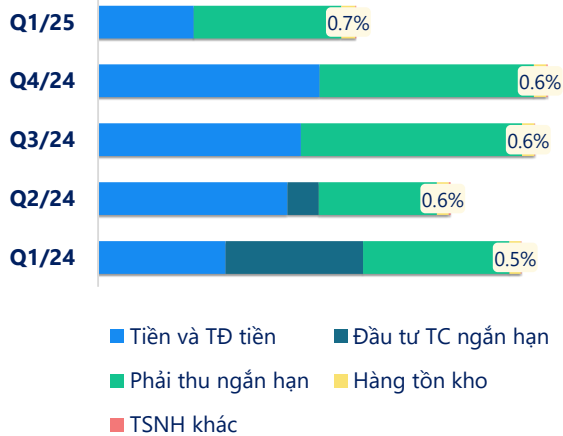
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



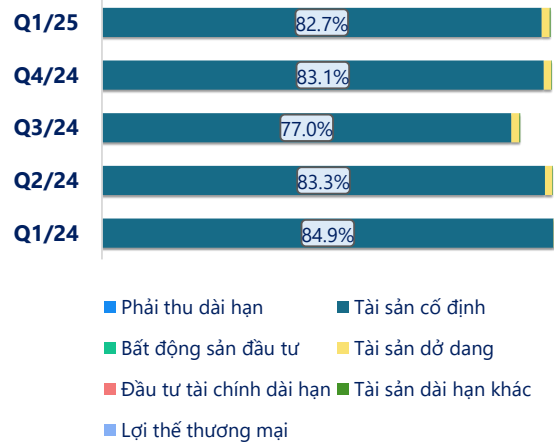
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

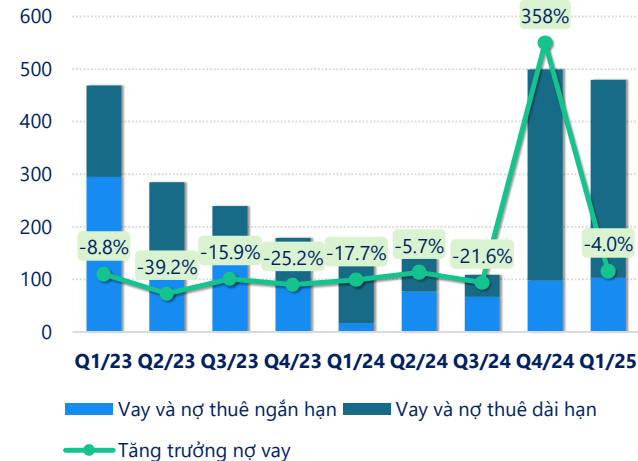
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

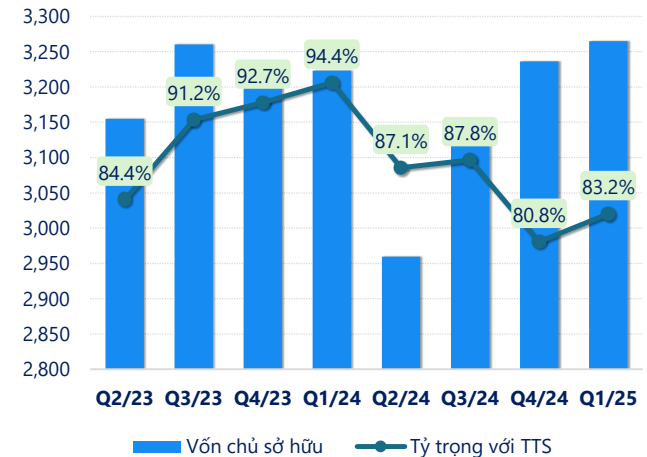
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



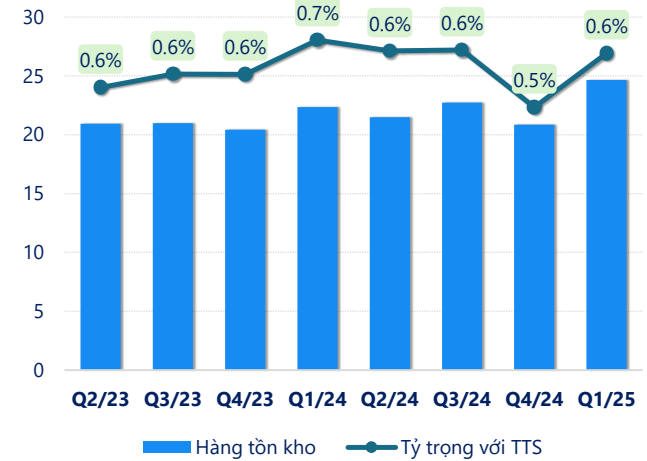
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

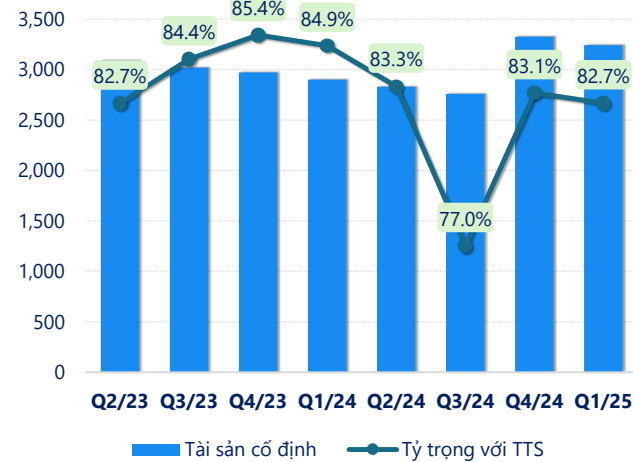

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


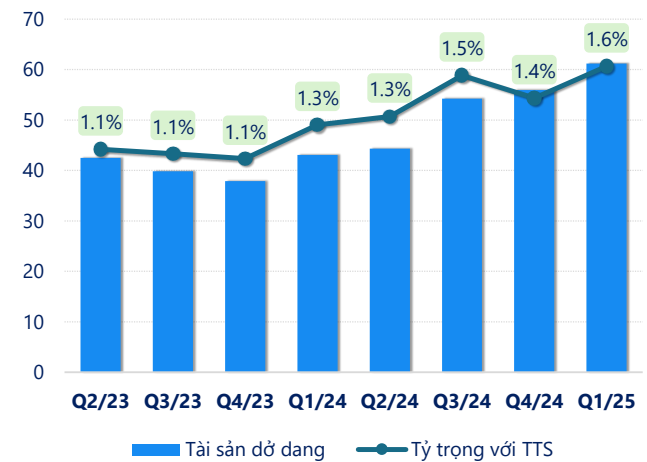
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

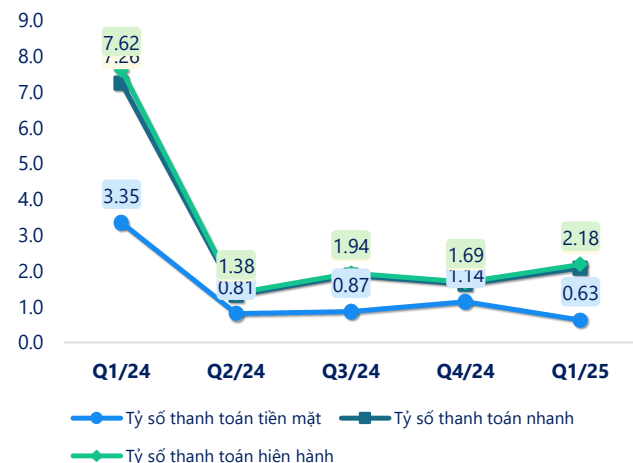
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

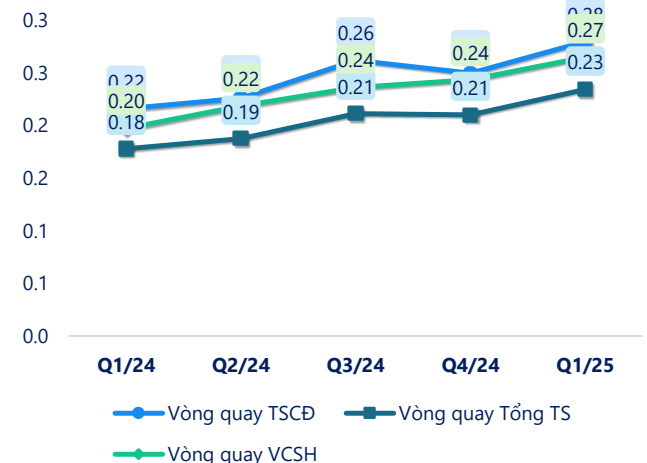
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	3,415	3,397	3,582	4,003	3,924
Tài sản ngắn hạn	465	517	764	617	614
Tiền và tương đương tiền	205	302	342	417	176
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	90.0	90.0	0	165
Phải thu ngắn hạn	237	102	309	132	207
Hàng tồn kho	22.4	21.5	22.7	20.9	24.7
Tài sản ngắn hạn khác	1.32	0.70	1.15	47.3	40.7
Tài sản dài hạn	2,950	2,879	2,817	3,386	3,310
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	2,901	2,830	2,758	3,325	3,244
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	43.1	44.3	54.2	56.0	61.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.48	4.82	4.81	4.70	4.66
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	192	437	437	767	659
Nợ ngắn hạn	61.1	375	395	365	282
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.9	77.0	67.0	97.9	103
Phải trả người bán ngắn hạn	12.9	11.0	12.0	198	99.0
Nợ dài hạn	131	62.4	42.4	402	377
Vay và nợ thuê dài hạn	130	61.9	41.9	401	376
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,223	2,959	3,144	3,236	3,265
Vốn chủ sở hữu	3,223	2,959	3,144	3,236	3,265
Vốn điều lệ	2,352	2,352	2,352	2,352	2,352
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)